

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2020/DS-PT  
Ngày: 27-02-2020  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Kim Nga

*Các Thẩm phán:* Ông Huỳnh Tuấn Khải

Ông Trần Văn Quán

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Hồng Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Duyên – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 27 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 56/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1967;

Địa chỉ: Ấp R, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Huỳnh Văn T, sinh năm: 1973;

Địa chỉ: Khu A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An.

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 12 năm 2019).

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1973;

2. Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Trần Thị Thanh T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 01 tháng 3 năm 2019 và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà và bà T, ông P quen biết do nhà ở gần nhau. Vào ngày 28 tháng 02 năm 2017 âm lịch, bà cho vợ chồng ông P, bà T vay số tiền 200.000.000 đồng để làm ăn, hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, thời hạn vay 02 năm. Việc vay tiền có lập văn bản thỏa thuận làm 02 bản, văn bản thỏa thuận này bà nhờ người đánh máy chuẩn bị sẵn theo nội dung đã trao đổi trước với bà T. Khi vợ chồng bà T ông P đến nhận tiền thì hai bên ký tên vào văn bản và mỗi bên giữ 01 bản. Văn bản thỏa thuận bà giữ và cung cấp cho Tòa án có đủ chữ ký tên của ông P, bà T; còn bản bà T giữ ông P có ký tên hay không bà không biết vì ông P không ký tên trước mặt bà.

Khoảng vài tháng sau, bà T đến nhà bà thông báo cho bà biết rằng việc ghi mức lãi suất trong văn bản thỏa thuận ngày 28 tháng 02 năm 2017 âm lịch có sự nhầm lẫn từ 1.5% nhưng ghi nhầm thành 15% và đề nghị bà sửa chữa lại cho đúng nên bà đã thêm dấu phẩy vào chỗ 15% thành 1,5%, đồng thời ghi thêm bằng chữ trong giấy tay văn bản thỏa thuận bà đang giữ, riêng giấy tay bà T giữ thì bà T không mang theo nên không sửa chữa được.

Sau khi vay, bà T và ông P trả lãi suất đầy đủ trong thời gian 08 tháng, mỗi tháng 3.000.000 đồng, hình thức trả tiền lãi hàng tháng là cản trừ vào tiền hụi do bà T làm chủ thảo, số còn lại nhận tiền mặt và có khi bà mua một số đồ dùng do bà T bán. Sau đó, bà T không trả khoản tiền nào khác cho đến nay. Đối với khoản vay 140.000.000 đồng ngày 28 tháng 10 năm 2015 âm lịch vợ chồng bà T đã trả xong theo thỏa thuận, không liên quan đến khoản vay ngày 28 tháng 02 năm 2017 âm lịch. Khi đến hạn trả nợ, bà đã yêu cầu vợ chồng ông P, bà T trả nợ nhiều lần nhưng vợ chồng bà T không trả nên bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông P, bà T trả số tiền gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi suất tính theo lãi suất 1,5%/tháng là 48.000.000 đồng, tổng cộng 248.000.000 đồng.

Bị đơn bà Trần Thị Thanh T trình bày:

Ngày 28 tháng 10 năm 2015 âm lịch, bà L có cho bà và ông P vay 140.000.000 đồng, có làm giấy thỏa thuận vay tiền mỗi bên giữ 01 bản, khi vay khoản tiền này bà và ông P cùng đến nhận tiền và ký tên vào giấy thỏa thuận vay mượn tiền. Sau đó ông P đã giao cho bà số tiền 140.000.000 đồng để trả nợ cho bà L nhưng bà không trả mà vay thêm của bà L 60.000.000 đồng, thành khoản vay 200.000.000 vào ngày 28 tháng 02 năm 2017 âm lịch đang tranh chấp. Khi lập văn bản thỏa thuận ngày 28 tháng 02 năm 2017 âm lịch chỉ có bà và bà L, không có mặt ông P và ông P không có ký tên vào giấy tờ nào. Lãi suất thỏa thuận là 15%/tháng, thời gian vay là 02 năm, bà L chuẩn bị sẵn 02 văn bản thỏa thuận để hai bên ký tên và mỗi bên giữ một bản. Chữ ký tên của bà và ông P trong văn bản thỏa thuận ngày 28 tháng 02 năm 2017 âm lịch mà bà L cung cấp cho Tòa án không phải chữ ký của bà và ông P nhưng bà không yêu cầu trung cầu giám định chữ ký. Sau khi vay bà đã trả bà L 08 tháng tiền lãi, mỗi tháng 30.000.000 đồng, hình thức trả tiền lãi là cản trừ vào tiền hụi (bà L tham gia 02 dây hụi do bà làm chủ thảo), số tiền lãi còn lại bà giao tiền mặt trực tiếp cho bà L; việc trả tiền lãi không có giấy tờ và không có ai làm chứng nên bà không cung cấp được chứng cứ cho Tòa án. Bà thấy rằng số tiền lãi bà đã trả cao hơn quy định pháp luật nên yêu cầu được khấu trừ số tiền lãi đã trả, cụ thể: lãi suất theo quy định bà phải trả là 1,5%/ tháng x 200.000.000 đồng

x 30 tháng = 90.000.000 đồng, số tiền lãi vượt quá là 150.000.000 đồng (240.000.000 đồng - 90.000.000 đồng), khấu trừ vào tiền vốn 200.000.000 đồng nên bà chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền còn lại là 50.000.000 đồng.

Trong biên bản ghi lời khai ngày 07 tháng 10 năm 2019, bị đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:

Khoảng giữa năm 2016 ông và bà T có đến vay tiền bà L, không nhớ bao nhiêu, khi đó ông có ký tên vào giấy vay tiền. Sau đó ông đã giao tiền cho bà T trả nợ cho bà L, ông không trả trực tiếp cho bà L nhưng khi ông hỏi bà T thì bà T nói đã trả bà L xong, ông không vay thêm bà L khoản tiền nào khác. Chữ ký tên trong văn bản thỏa thuận vay tiền ngày 28 tháng 02 năm 2017 âm lịch mà bà L cung cấp cho Tòa án không phải chữ ký tên của ông nhưng ông xác định không yêu cầu trung cầu giám định chữ ký tên. Việc vay tiền giữa bà T và bà L ông không biết nên ông không đồng ý yêu cầu của bà L.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Cần Đức đã căn cứ vào Điều 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26, 35, 147, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với ông Nguyễn Văn P, bà Trần Thị Thanh T về việc tranh chấp hợp đồng vay.

2. Buộc bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền nợ vay 272.000.000 đồng, trong đó bao gồm nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 72.000.000 đồng.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà T, ông P liên đới chịu 13.600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Hoàn lại bà L 6.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001158 ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12 tháng 12 năm 2019 bị đơn bà Trần Thị Thanh T kháng cáo yêu cầu được trừ số tiền lãi đã trả là 150.000.000 đồng vào tiền vốn vay.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự không thỏa thuận được với nhau, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L do ông Nguyễn Văn T đại diện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, trình bày cho rằng trước đây giữa bà L và bà T có xác lập giao dịch vay tiền nhưng bà T đã thanh toán xong, chỉ còn nợ lại số tiền là 200.000.000 đồng

trong giấy tay ngày 28 tháng 02 năm 2017; bị đơn bà Trần Thị Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, trình bày cho rằng đã trả lãi 240.000.000đồng, trừ đi số tiền lãi phải trả 90.000.000đồng, còn 150.000.000đồng trừ vào số tiền vốn gốc, còn lại chỉ phải trả tiếp là 50.000.000đồng.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm cho rằng: Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Xét đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Thanh T thấy rằng:

Các đương sự đều thống nhất bà L có cho bà T vay số tiền 200.000.000đồng, đến nay bà T vẫn chưa thanh toán nợ gốc cho bà L. Đồng thời các bên thống nhất bà T đã trả cho bà L được 8 tháng tiền lãi bằng hình thức khấu trừ một phần vào số tiền đóng hụi do bà T là chủ hụi, số tiền lãi còn lại bà T trả trực tiếp bằng tiền mặt cho bà L.

Tuy nhiên, các bên không thống nhất về mức lãi suất và số tiền lãi đã trả. Xét thấy, khi vay tiền hai bên có làm văn bản thỏa thuận về việc vay có ghi rõ lãi suất, thời gian vay, thời điểm trả lãi, mỗi bên giữ một bản. Văn bản thỏa thuận ngày 28/02/2017 âm lịch mà bà L cung cấp, bà đã tự thêm dấu phẩy vào chỗ lãi suất là “1,5” và dòng chữ “một chám năm”, bà trình bày là do bà T đến nhà nói phần lãi suất ghi nhầm là 15% và yêu cầu bà sửa lại nên bà đã lấy văn bản bà giữ ra để sửa lại mà không sửa tờ của bà T giữ. Lời trình bày của bà L không được bà T thừa nhận, bà L không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Trên văn bản thỏa thuận do bà T cung cấp thì lãi suất là 15%, không có dấu hiệu chỉnh sửa. Như vậy, có cơ sở khẳng định bà T đã trả lãi 15%/tháng, trả được 8 tháng tổng số tiền lãi đã trả là 240.000.000đồng. Kháng cáo của bà T có cơ sở xem xét chấp nhận. Tuy nhiên bà T trình bày đồng ý trả cho bà L số tiền là 50.000.000đồng đây là sự tự nguyện của bà T cần ghi nhận (vì số tiền lãi tính theo quy định của pháp luật sau khi khấu trừ vào số tiền gốc, số tiền bà T còn phải trả thấp hơn 50.000.000đồng). Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T, sửa bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Thanh T được làm đúng theo quy định tại Điều 272 và được gửi đến Tòa án trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Bà Nguyễn Thị L khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Nguyễn Văn P bà Trần Thị Thanh T, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[3] Các đương sự trình bày thống nhất, bà L cho bà T vay số tiền 200.000.000đồng, được thể hiện trong giấy vay nợ ngày 28 tháng 2 năm 2017. Các bên trình bày không thống nhất với nhau mức lãi suất thỏa thuận và về số tiền lãi đã trả. Bà L cho rằng mức lãi suất các bên thỏa thuận là 1.5%/tháng, bà T đã trả được 8 tháng tiền lãi mỗi tháng là 3.000.000đồng với tổng số tiền là 24.000.000đồng theo

hình thức trừ vào tiền đóng hội, số tiền lãi còn lại nhận tiền mặt, trong khi đó bà T trình bày, mức lãi suất thỏa thuận là 15%/tháng, đã trả lãi 8 tháng với tổng số tiền là 240.000.000đồng cũng bằng hình thức cân trừ vào số tiền hội bà L đóng, số tiền còn lại thì giao bằng tiền mặt. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận trình bày của bị đơn nên bà T đã kháng cáo

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của bà T thấy rằng:

[4.1] Trong văn bản thỏa thuận được đánh máy sẵn ngày 28 tháng 02 năm 2017 âm lịch, mức lãi suất được ghi là 15%/tháng. Tuy nhiên sau đó bà L đã tự sửa thành 1,5% trong bản ghi do bà L giữ không được sự thừa nhận của bà T. Vì vậy không có cơ sở nào khác để chấp nhận lời trình bày của bà L với mức lãi suất thỏa thuận là 1,5%, mặc khác trong giấy tay thỏa thuận vay vốn vào ngày 28 tháng 10 năm 2015 được người đại diện hợp pháp của bà L thừa nhận chữ viết của bà L thì giao dịch vay số tiền 140.000.000đồng vào ngày 28 tháng 10 năm 2015 âm lịch cũng được các bên cũng thỏa thuận mức lãi là 15% và bà T đã trả lãi đầy đủ. Điều này có cơ sở xác định mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 15% cũng là mức lãi suất thông lệ mà hai bên thường xác lập.

[4.2] Từ ngày vay ngày 28 tháng 02 năm 2017 âm lịch tức là ngày 25 tháng 3 năm 2017 dương lịch, bà T đã trả lãi đầy đủ 8 tháng tiền lãi, việc trả lãi không thể hiện bằng giấy tay giao nhận nhưng bà L thừa nhận trả đúng số tiền lãi mà các bên giao kết. Như vậy từ ngày 25 tháng 3 cho đến ngày 25 tháng 11 năm 2017 bà T đã trả tổng số tiền là 240.000.000đồng. Số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là  $200.000.000\text{đồng} \times 8 \text{ tháng} \times 20\%/năm = 26.667.000\text{đồng}$ , nên được điều tiết lại trừ vào vốn gốc,  $200.000.000\text{đồng} - (240.000.000\text{đồng} - 26.667.000\text{đồng})$  nên không còn vốn gốc để tính tiếp số tiền lãi.

[4.3] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, bà T và ông P đồng ý trả tiếp cho bà L số tiền 50.000.000đồng, cần ghi nhận nghĩa vụ của bà T ông P đối với bà L. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, sửa bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Ông P bà T chịu án phí trên số tiền trả cho bà L, bà L chịu án phí trên số tiền bị bác yêu cầu.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Thanh T.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 70/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

Căn cứ vào Điều 26, Điều 37, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 357, 463, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với ông Nguyễn Văn P, bà Trần Thị Thanh T về việc tranh chấp hợp đồng vay.

2. Bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 50.000.000đồng.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày 29 tháng 11 năm 2019 cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Bác yêu cầu khởi kiện của bà L yêu cầu ông P bà T liên đới trả số tiền 222.000.000đồng.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 11.100.000đồng án phí phần bị bác yêu cầu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.200.000đồng theo biên lai số 0001158 ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C, bà L phải nộp tiếp là 4.900.000đồng.

Bà Trần Thị Thanh T, ông Nguyễn Văn P liên đới chịu 2.500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà T không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho bà T 300.000đồng tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai số 0008014 ngày 12 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Các Thẩm Phán**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

**Huỳnh Tuấn Khải – Trần Văn Quán**

**Lê Thị Kim Nga**